

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC

LỊCH HỌC BÁC SĨ NỘI TRÚ KHÓA 46 (2021-2024)

TT	CHUYÊN NGÀNH	Đối tượng	Thời gian	Số lượng	Từ 06.12.21	Từ 20.12	Từ 4.01.22	Từ 17.1	Từ 01.02	Từ 14.02	Từ 28.2	Từ 14.3	Từ 11.4	Từ 9.5	Từ 20.5.22
					đến 17.12.21	đến 31.12	đến 14.1.22	đến 28.01	đến 13.02	đến 25.2	đến 11.3	đến 8.4	đến 6.5	đến 20.5	hết khóa
					(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(4 tuần)	(4 tuần)	(2 tuần)	
1	Chẩn đoán hình ảnh	NT	Sáng	30	YHHN	GPB	Chuyên ngành		NGHI TẾT NGUYỄN ĐẢN	Chuyên ngành		Ung thư	Ngoại khoa	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Tin học	Triết học		PPGDĐH	NCKH			NLTA	
2	Da liễu	NT	Sáng	5	MD-SLB	Vi sinh	Chuyên ngành			Chuyên ngành		HSCC	Tr.nhiễm	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Tin học	Triết học		PPGDĐH	NCKH			SLH	
3	Gây mê hồi sức	NT	Sáng	10	HH-TM	Dược lý	Chuyên ngành			Chuyên ngành		HSCC	Ngoại khoa	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Tin học	Triết học		PPGDĐH	NCKH			Sinh lý	
4	Răng Hàm Mặt	NT	Sáng	10	Khớp cắn	GP	Chuyên ngành			Chuyên ngành		TMH	Da liễu	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Tin học	Triết học		PPGDĐH	NCKH			Thuốc&VLNK	
5	Hồi sức cấp cứu	NT	Sáng	14	SLB	Dược lý	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Tim mạch	GMHS	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Tin học	Triết học		PPGDĐH	NCKH			CĐHA	
6	HH - TM	NT	Sáng	6	Hóa sinh	GPB	Chuyên ngành			Chuyên ngành		HSCC	Nhi khoa	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Tin học	Triết học		PPGDĐH	NCKH			Miễn dịch	
7	Lao	NT	Sáng	8	SLH	Miễn dịch	Chuyên ngành			Chuyên ngành		CĐHA	HSCC	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Tin học	Triết học		PPGDĐH	NCKH			Vi sinh	
8	Thần kinh	NT	Sáng	8	SLH	GP	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Tâm thần	HSCC	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Tin học	Triết học		PPGDĐH	NCKH			CĐHA	
9	Ngoại khoa	NT	Sáng	60	PTTN	GP	Chuyên ngành			Chuyên ngành		GMHS	Sân phụ khoa	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Triết học	PPGDĐH		NCKH	Tin học			SLH	
10	Nhãn khoa	NT	Sáng	5	VLQH	GP	Chuyên ngành			Chuyên ngành		TMH	Thần kinh	C. Ngành	Ch.ngành

(HỘI ĐẠI HỌP
HỘI)

TT	CHUYÊN NGÀNH	Đối tượng	Thời gian	Số lượng	Từ 06.12.21	Từ 20.12	Từ 4.01.22	Từ 17.1	Từ 01.02	Từ 14.02	Từ 28.2	Từ 14.3	Từ 11.4	Từ 9.5	Từ 20.5.22
					đến 17.12.21	đến 31.12	đến 14.1.22	đến 28.01	đến 13.02	đến 25.2	đến 11.3	đến 8.4	đến 6.5	đến 20.5	hết khóa
					(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(4 tuần)	(4 tuần)	(2 tuần)	
10	Nhãn khoa		Chiều	5	VLQH	GP	Triết học	PPGDĐH	NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐÁN	NCKH	Tin học	TMH	Thần kinh	PTTN	Ch.ngành
11	Phẫu thuật tạo hình	NT	Sáng	8	PTTN	GP	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Ngoại khoa	Ngoại khoa 2	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Triết học	PPGDĐH		NCKH	Tin học			Miễn dịch	
12	Tim mạch	NT	Sáng	20	CĐHA	SLH	Chuyên ngành			Chuyên ngành		HSCC	Ngoại TM	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Triết học	PPGDĐH		NCKH	Tin học			GPB	
13	Truyền nhiễm	NT	Sáng	8	MD-SLB	KST	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Thần kinh	HSCC	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Triết học	PPGDĐH		NCKH	Tin học			Vi sinh	
14	Phục hồi chức năng	NT	Sáng	10	Lý sinh	SLH	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Nội CXK	Nội HH	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Triết học	PPGDĐH		NCKH	Tin học			Giải phẫu	
15	Nội khoa	NT	Sáng	52	Hóa sinh	Miễn dịch	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Tr.nhiễm	HSCC	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Triết học	PPGDĐH		NCKH	Tin học			GPB	
16	Nội Lão khoa	NT	Sáng	3	Hóa sinh	Miễn dịch	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Tr.nhiễm	HSCC	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				Triết học	PPGDĐH		NCKH	Tin học			GPB	
17	Sân Phụ khoa	NT	Sáng	10	GP	SLH	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Ngoại khoa	GMHS	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				PPGDĐH	NCKH		Tin học	Triết học			YSHDT	
18	Nhi khoa	NT	Sáng	15	SLB-Miễn dịch	Phôi thai học	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Ngoại nhi	Tr.Nhiễm	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				PPGDĐH	NCKH		Tin học	Triết học			SLH	
19	Tai Mũi Họng	NT	Sáng	10	SLH	GP	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Thần kinh	RHM	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				PPGDĐH	NCKH		Tin học	Triết học			GPB	
20	Ung thư	NT	Sáng	25	CĐHA	GPB	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Ngoại khoa	Nội khoa	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				NCKH	Tin học		Triết học	PPGDĐH			M.dịch	
21	Dị ứng - MDLS	NT	Sáng	4	Vi sinh	Dược lý	Chuyên ngành		Chuyên ngành		Da liễu	HSCC	C. Ngành	Ch.ngành	
			Chiều				NCKH	Tin học	Triết học	PPGDĐH			Miễn dịch		

th

TT	CHUYÊN NGÀNH	Đối tượng	Thời gian	Số lượng	Từ 06.12.21	Từ 20.12	Từ 4.01.22	Từ 17.1	Từ 01.02	Từ 14.02	Từ 28.2	Từ 14.3	Từ 11.4	Từ 9.5	Từ 20.5.22
					đến 17.12.21	đến 31.12	đến 14.1.22	đến 28.01	đến 13.02	đến 25.2	đến 11.3	đến 8.4	đến 6.5	đến 20.5	hết khóa
					(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(4 tuần)	(4 tuần)	(2 tuần)	
22	Y pháp	NT	Sáng	2	Luật GĐTP	GP	Chuyên ngành		NGHIẾT NGUYỄN ĐÀN	Chuyên ngành		Ngoại CT	GPB	C. Ngành	Ch.ngành
		Chiều	NCKH				Tin học	Triết học		PPGDĐH	Độc chất học Y pháp				
23	Y học Gia đình	NT	Sáng	10	Y học H.vi	TVGDSK	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Dị ứng-Dược	BM YHGD	C. Ngành	Ch.ngành
		Chiều	NCKH				Tin học	Triết học		PPGDĐH	SLB-MD				
24	Tâm thần	NT	Sáng	10	SLH	Dược lý	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Thần kinh	PHCN	C. Ngành	Ch.ngành
		Chiều	NCKH				Tin học	Triết học		PPGDĐH	YSHDT				
25	Y học cổ truyền	NT	Sáng	10	SLH	Y lý YHCT	Chuyên ngành			Chuyên ngành		PHCN	Thần kinh	C. Ngành	Ch.ngành
		Chiều	NCKH				Tin học	Triết học		PPGDĐH	K.dịch				
26	Dược lý	NT	Sáng	2	Hóa sinh	SLB-MD	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Nội khoa	Tâm thần	C. Ngành	Ch.ngành
		Chiều	NCKH				Tin học	Triết học		PPGDĐH	Sinh lý				
27	Mô phôi	NT	Sáng	3	Hóa sinh	YSHDT	Chuyên ngành			Chuyên ngành		GPB	Miễn dịch	C. Ngành	Ch.ngành
		Chiều	NCKH				Tin học	Triết học		PPGDĐH	GP				
28	Vi sinh y học	NT	Sáng	5	Hóa sinh	YSHDT	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Tr.nhiễm	KST	C. Ngành	Ch.ngành
		Chiều	NCKH				Tin học	Triết học		PPGDĐH	VSV đại cương				
29	Y sinh học di truyền	NT	Sáng	12	Miễn dịch	Mô học	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Hóa sinh	SLH	C. Ngành	Ch.ngành
		Chiều	NCKH				Tin học	Triết học		PPGDĐH	Di truyền học ĐC				
30	Giải phẫu bệnh	NT	Sáng	8	Miễn dịch	Mô học	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Y. pháp	Ung thư	C. Ngành	Ch.ngành
		Chiều	NCKH				Tin học	Triết học		PPGDĐH	YSHDT				
31	Sinh lý	NT	Sáng	3	Lý sinh	YSHDT	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Hóa sinh	Miễn dịch	C. Ngành	Ch.ngành
		Chiều	NCKH				Tin học	Triết học		PPGDĐH	Y học phóng xạ				
32	Miễn dịch-SLB	NT	Sáng	3	Hóa sinh	SLB	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Dị ứng	HH-TM	C. Ngành	Ch.ngành
		Chiều	NCKH				Tin học	Triết học		PPGDĐH	YSHDT				
33	Hóa sinh	NT	Sáng	8	YSHDT	Hóa PT và HC	Chuyên ngành			Chuyên ngành		MD- SLB	HH-TM	C. Ngành	Ch.ngành

TT	CHUYÊN NGÀNH	Đối tượng	Thời gian	Số lượng	Từ 06.12.21	Từ 20.12	Từ 4.01.22	Từ 17.1	Từ 01.02	Từ 14.02	Từ 28.2	Từ 14.3	Từ 11.4	Từ 9.5	Từ 20.5.22
					đến 17.12.21	đến 31.12	đến 14.1.22	đến 28.01	đến 13.02	đến 25.2	đến 11.3	đến 8.4	đến 6.5	đến 20.5	hết khóa
					(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(2 tuần)	(4 tuần)	(4 tuần)	(2 tuần)	
33	Hóa sinh	NT	Chiều	8	YSHDT	Hóa PT và HC	NCKH	Tin học	NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐÁN	Triết học	PPGDĐH	MD- SLB	HH-TM	GPB	Ch.ngành
34	Y học dự phòng	NT	Sáng	1	Vi sinh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Truyền nhiễm	Viện ĐT YHDP&YTCC		
			Chiều				NCKH	Thống kê		Triết học	PPGDĐH				
35	Dinh dưỡng	NT	Sáng	7	Viện ĐT YHDP&YTCC	Viện ĐT YHDP&YTCC	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Dịch tễ học CB	Viện ĐT YHDP&YTCC		
			Chiều				NCKH	Thống kê		Triết học	PPGDĐH				
36	Ký sinh trùng	NT	Sáng	3	Vi sinh	YSHDT	Chuyên ngành			Chuyên ngành		Truyền nhiễm	Da liễu	C. Ngành	Ch.ngành
			Chiều				NCKH	Tin học		Triết học	PPGDĐH			Miễn dịch	

Ghi chú:

- Môn cơ sở học trong 2 tuần, thi kết thúc môn học vào sáng thứ 7 của tuần tiếp sau.
- Môn Triết học thi kết thúc vào sáng thứ 7 của tuần tiếp sau, môn Tin học và PPGDĐH thi theo lịch của bộ môn.
- Môn PPNCKH thi theo lịch của Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, thi kết thúc vào sáng thứ 7 của tuần tiếp sau.
- Môn hỗ trợ học trong 4 tuần, lịch thi lâm sàng/thực hành theo bộ môn sắp xếp, thi lý thuyết vào sáng thứ 7 tuần cuối cùng của lịch học.
- Môn Ngoại ngữ học viên tự bố trí thời gian học để đạt mức 4/6 KNLNNVN và nộp chứng chỉ về nhà trường theo quy định của Bộ GD&ĐT
- Các đơn vị đào tạo xếp lịch học, thi chứng chỉ chuyên ngành (lần 1, lần 2), lịch thông qua đề cương luận văn và dự kiến thời gian bảo vệ luận văn.
thời gian cụ thể: bảo vệ đề cương BSNT (5/2023); bảo vệ luận văn BSNT (9/2024).
- Nghỉ tết (02 tuần), nghỉ hè (4 tuần) theo lịch chung toàn trường và lịch trực của các Viện/Khoa/Bộ môn.
- Học viên xem danh sách thi trên website trước ngày thi tối thiểu 02 ngày.
- Các thông báo trong quá trình học học viên xem tại website www.sdh.hmu.edu.vn.

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2021

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT.TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Mạnh Hà